

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14 tháng 10 năm 2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hà Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Đàm Thị Kim Thanh

Bà: Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiện Phúc – thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 140/2019/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2019/QĐST- HNGĐ ngày 27/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị V.H**, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ.X, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

(có mặt)

Bị đơn: **Anh Nguyễn T.P**, sinh năm 1974

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn L, xã Đ.X, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/02/2019, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị V.H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn T.P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 29/9/2000, tại Ủy ban nhân dân xã Đ.X, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại Thôn L, xã Đ.X, Gia Lâm, Hà Nội, trên nhà đất của bố mẹ đẻ chị nhưng a.Ph chưa đăng ký tạm trú.

Vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng. Chị và a.Ph không chia sẻ được với nhau những khúc mắc trong cuộc sống. A.Ph mặc cảm vì việc “ở rể” nhưng lại không chia sẻ với chị mặc dù trong sinh hoạt hàng ngày chị rất tế nhị và quan tâm đến a.Ph. Năm 2003, a.Ph vào Miền nam tìm việc làm nhưng không nói với chị địa chỉ cụ thể nơi ở, anh chị chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại. Chị có liên hệ với bố mẹ đẻ a.Ph ở Ninh Bình để hỏi nhưng a.Ph không về quê, cũng không ai biết địa chỉ của a.Ph. Quá trình a.Ph đi làm xa, a.Ph vẫn điện thoại về hỏi thăm, có lần a.Ph về thăm mẹ con chị rồi lại đi nên không ai biết. Lâu dần tình cảm vợ chồng phai nhạt. Sau này hai con lớn, a.Ph chỉ điện thoại nói chuyện với con, không nói chuyện với chị nữa và cũng không gửi tiền về nuôi con. Cách đây chưa lâu, a.Ph điện thoại về nói chuyện với hai con trai nhưng sau đó a.Ph đổi số điện thoại nên chị không liên lạc được với a.Ph nữa. Đến nay, hai con của chị với a.Ph đã lớn, trưởng thành, chị muốn ly hôn với a.Ph để dứt điểm về mặt pháp lý và để ổn định cuộc sống. Qua tìm hiểu, chị được biết a.Ph đã đổi số điện thoại mới là số 098.168.7076. Trước khi chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, chị đã đến gặp bố mẹ a.Ph để hỏi a.Ph hiện đang ở đâu và nhờ bố mẹ a.Ph tác động bảo a.Ph về giải quyết ly hôn nhưng bố mẹ a.Ph không hợp tác và không biết a.Ph ở đâu. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với a.Ph đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với a.Ph.

Về con chung: chị và anh Nguyễn T.P có 02 con chung (sinh đôi) là cháu Nguyễn H.A và cháu Nguyễn Đ.A đều sinh ngày 04/02/2001. Hiện cả hai cháu đều đang ở với chị. Các cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, khỏe mạnh nên chị không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng chị không nợ ai, không ai nợ vợ chồng chị.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào nữa, không trình bày nội dung nào nữa.

Bị đơn, là anh Nguyễn T.P: Không có lời khai tại Tòa án do quá trình giải quyết vụ án, a.Ph không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm

yết các văn bản tố tụng và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để a.Ph biết đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, a.Ph vẫn vắng mặt và không có văn bản trả lời về việc chị Nguyễn Thị V.H là vợ anh xin ly hôn với anh.

Đối với 02 con chung của chị H và a.Ph đều đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Đối với vụ án này, Tòa án không hòa giải được về quan hệ hôn nhân và tài sản chung vì vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: chị Nguyễn Thị V.H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn T.P và nội dung các lời khai mà chị đã trình bày tại Tòa án. Bị đơn, anh Nguyễn T.P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử ; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị đơn không chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự thể hiện qua việc vắng mặt tại phiên tòa và quá trình tố tụng giải quyết vụ án không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị V.H được ly hôn với anh Nguyễn T.P.

Về con chung: không xem xét, giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Về nơi cư trú của a.Ph: theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 2, đăng ký ngày 29/9/2000 tại UBND xã Đ.X, thể hiện khi đăng ký kết hôn a.Ph thường trú tại phố 1, Đông Thành, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Tại Biên bản làm việc của Tòa án với chính quyền địa phương xã Đ.X và Đơn xin xác nhận do chị H xuất trình thể hiện: sau khi kết hôn, a.Ph đã chung sống với chị H tại Thôn L, xã Đ.X, Gia Lâm, Hà Nội đến năm 2003 thì a.Ph bỏ đi làm xa không thông báo địa chỉ cho chị H, chính quyền địa phương cũng không biết a.Ph đang ở đâu. Qua xác minh, Công an phường Đông Thành cung cấp: khoảng năm 2000, a.Ph có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phố 1, Đông Thành, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình nhưng sau đó đã cắt khẩu đi nhưng thời điểm nào thì sổ sách không còn lưu giữ, a.Ph cũng không sinh sống ở đó nhiều năm nay. Tại Biên bản làm việc với Công an phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình cũng thể hiện: a.Ph không đăng ký hộ khẩu thường trú cũng như không sinh sống cùng với bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Khắc Nhượng và bà Nguyễn Thị Tình ở đường Tân Trung, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Chị H không biết hiện a.Ph đang ở đâu. Như vậy, có căn cứ xác định nơi cư trú cuối cùng của a.Ph ở Thôn L, xã Đ.X, Gia Lâm, Hà Nội. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Bị đơn, anh Nguyễn T.P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không phải vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị V.H và anh Nguyễn T.P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Đ.X, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội ngày 29/9/2000. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3]. *Về nguyên nhân mâu thuẫn*: Căn cứ vào những lời khai của chị H và các biên bản làm việc của Tòa án với chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị V.H và anh Nguyễn T.P quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn, năm 2003, a.Ph đi làm xa nhưng không thông báo với chị H địa chỉ của mình mà chỉ liên lạc với chị H qua điện thoại, vợ chồng không có cuộc sống chung, không có kinh tế chung, không cùng nhau nuôi dạy con cái từ đó đến nay đã hơn 15 năm. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng với a.Ph đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với a.Ph.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm các thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: đăng tin 03 ngày liên tiếp nhắc tìm a.Ph trên Đài tiếng nói Việt Nam (VOV) vào các ngày 20,21 và 22 tháng 6 năm 2019 và 03 số báo

Nhân dân liên tiếp là: số 23258, ngày 20/6/2019, số: 23259, ngày 21/6/2019, số: 23260, ngày 22/6/2019 và đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhưng a.Ph chưa bao giờ đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” “2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...”. Như vậy, mục đích hôn nhân của vợ chồng của chị H và a.Ph không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với a.Ph là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Căn cứ vào lời khai của chị H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định: chị H và a.Ph có 02 con chung (sinh đôi) là cháu Nguyễn H.A và cháu Nguyễn Đ.A đều sinh ngày 04/02/2001. Các cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, khỏe mạnh, chị H không có yêu cầu gì về con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Do a.Ph không đến Tòa án, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Chị H phải chịu án phí ly hôn, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 - Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V.H với anh Nguyễn T.P. Chị Nguyễn Thị V.H được ly hôn với anh Nguyễn T.P.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không xem xét, giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V.H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng

tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2010/0004308, ngày 03/4/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm nay được chuyển thành án phí. Chị H không phải nộp thêm tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị V.H có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn T.P vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Những người tham gia tố tụng
- Toà án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND huyện Gia Lâm
- T.H.A DS huyện Gia Lâm
- UBND xã Đ.X (ĐKKH số 52, quyền số 2, ngày 29/9/2000)
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thái Thị Hà Thu